

Tạo động lực học tập cho học sinh - Một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông đáp ứng giáo dục 4.0

Nguyễn Thị Thúy Dung

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: thuydung139@gmail.com

TÓM TẮT: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, sự thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, xã hội, gây ảnh hưởng vừa tích cực vừa tiêu cực đến học sinh, việc tạo động lực học tập cho học sinh càng trở nên vô cùng quan trọng. Dựa vào kết quả của các phương pháp nghiên cứu lí luận như phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa một số lí thuyết của các tác giả trên thế giới và trong nước về nhu cầu và động cơ của con người nói chung, về động cơ học tập của người học nói riêng, bài viết trình bày các khái niệm, sự cần thiết của tạo động lực học tập cho học sinh, các biểu hiện cụ thể của năng lực tạo động lực học tập cho học sinh như một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông, đáp ứng yêu cầu của giáo dục 4.0. Những vấn đề lí luận trình bày trong bài viết góp phần định hướng cho giáo viên trong học tập và rèn luyện, đồng thời có thể là nguồn tài liệu tham khảo cho các trường sư phạm và trường phổ thông trong đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên để thích ứng với đòi hỏi của tình hình mới.

TỪ KHÓA: Động lực học tập; tạo động lực học tập; học sinh; giáo viên phổ thông.

→ Nhận bài 06/01/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/02/2021 → Duyệt đăng 05/7/2021.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục (GD) 4.0 với trường học thông minh, người dạy và người học có thể kết nối thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn bao giờ hết, hoạt động học tập của học sinh (HS) trở nên thuận lợi. Tuy nhiên, Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tạo ra nhiều thách thức, làm cho HS dễ bị xao nhãng trong học tập. Vì thế, tạo động lực học tập (ĐLHT) cho HS là nhiệm vụ quan trọng của giáo viên (GV) trong GD 4.0, là năng lực không thể thiếu trong hệ thống năng lực cần có của GV để hoàn thành sứ mạng nhà giáo. HS có ĐLHT sẽ hăng hái, nỗ lực, chăm chỉ học tập để đạt kết quả cao nhất. ĐLHT của HS chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Vì thế, GV cần thực hiện các biện pháp tác động vào các yếu tố này để tạo ĐLHT cho HS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định các vấn đề lí luận về năng lực tạo ĐLHT cho HS như một năng lực cần thiết của GV phổ thông đáp ứng yêu cầu của GD 4.0.

Nội dung nghiên cứu: Trình bày khái niệm ĐLHT và tạo ĐLHT cho HS; Các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS; Sự cần thiết của tạo ĐLHT cho HS trong GD 4.0; Các nguyên tắc và biện pháp mà GV phổ thông cần thực hiện, thể hiện được năng lực tạo ĐLHT cho HS.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí luận như phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa một số lí thuyết của các tác giả trên

thế giới và trong nước về nhu cầu và động cơ của con người nói chung, về động cơ học tập của người học nói riêng.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Động lực học tập của học sinh

* Khái niệm ĐLHT của HS

Trên thế giới, khái niệm ĐLHT được một số tác giả nghiên cứu, như: Schunk D.H. (2000) [1], Pintrich P.R. (2003) [2] cho rằng, động lực là quá trình bên trong, giúp thúc đẩy, định hướng và duy trì hành động. ĐLHT giúp người học trở nên nhiệt tình, thích thú, tích cực và thoải mái tham gia các hoạt động học tập (Spratt M., Humphreys G., & Chan V., 2002) [3], ĐLHT ảnh hưởng đến sự thành công của người học (Huitt W., 2011) [4].

Tại Việt Nam, theo *Từ điển Bách khoa Tâm lí học, GD học Việt Nam* do Phạm Minh Hạc chủ biên (2013): “Động lực là nguồn gốc cung cấp năng lượng thôi thúc để giúp cá nhân có thể phấn đấu vươn lên” [5, tr.253]. Nhiều tác giả trong nước cũng đề cập đến khái niệm ĐLHT trong các công trình nghiên cứu của họ: Đoàn Huy Oánh (2004) [6], Đỗ Hữu Tài, Lâm Thành Hiển và Nguyễn Thanh Lâm (2016) cho rằng, ĐLHT là “trạng thái nội tâm lâu dài giúp HS duy trì hứng thú và ham muốn tìm tòi, học hỏi, vượt qua những trở ngại” [7, tr.2]. Theo Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), “ĐLHT là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập” [8, tr.107].

Từ quan niệm của các tác giả nói trên, có thể khái quát, *ĐLHT của HS là sự thúc đẩy bên trong khiến cho HS tích cực và nỗ lực học tập đạt hiệu quả cao.*

Ở đây, cần phân biệt “ĐLHT” và “động cơ học tập (HT)”. Theo *Từ điển Tâm lý học* do Vũ Dũng chủ biên (2008), động cơ là “cái thúc đẩy hành động, gắn liền với việc thỏa mãn những nhu cầu của chủ thể”, là “nguyên nhân, cơ sở của sự lựa chọn các hành động và hành vi” [9, tr.182]. Như vậy, động cơ HT đơn thuần là cái thúc đẩy HS học tập, còn ĐLHT là cái thúc đẩy HS nỗ lực học tập, vượt mọi trở ngại, đạt hiệu quả cao. Nói cách khác, động cơ HT trả lời câu hỏi “*Vì sao HS học tập?*”, còn ĐLHT trả lời câu hỏi “*Vì sao HS nỗ lực học tập có hiệu quả như vậy?*”.

*** Vai trò của ĐLHT của HS**

Từ khái niệm ĐLHT của HS và quan điểm của các tác giả nói trên, có thể phân tích vai trò của ĐLHT. ĐLHT của HS không chỉ ảnh hưởng tích cực đến quá trình học tập của bản thân HS, mà còn ảnh hưởng tích cực đến hoạt động giảng dạy của GV:

a. Đối với HS

- Khi có ĐLHT, HS sẽ hăng hái, tích cực học tập;
- Khi có ĐLHT, HS sẽ tự nguyện, chủ động học tập;
- ĐLHT làm cho HS hứng thú, say mê trong học tập;
- Khi có ĐLHT, HS sẽ chăm chỉ trong học tập;
- ĐLHT giúp HS nỗ lực, kiên trì vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ HT;
- ĐLHT làm cho HS ham muốn tìm tòi, học hỏi, hoàn thiện bản thân.
- Các lợi ích kể trên giúp HS học tập một cách hiệu quả.

b. Đối với GV

- Khi HS có ĐLHT, GV sẽ dễ dàng hơn trong khai thác tiềm năng của HS;
- GV sẽ dễ dàng hơn trong sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, lôi kéo được sự hưởng ứng nhiệt tình của HS, tạo được bầu không khí học tập hăng say trong lớp học;
- Thái độ học tập tích cực của HS có thể tác động ngược trở lại đối với GV, làm cho GV hứng thú, nhiệt tình giảng dạy, không ngừng học hỏi để nâng cao chất lượng giảng dạy.

*** Các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS**

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS, cần xem xét một số học thuyết tiêu biểu của các tác giả trên thế giới liên quan đến động lực làm việc [10, tr.240], như: Học thuyết của Maslow (1943) *về thứ bậc của nhu cầu*. Theo Maslow, các nhu cầu của con người được sắp đặt theo thứ bậc. Maslow cho rằng, khi người ta được thỏa mãn nhu cầu thấp thì nhu cầu cao hơn xuất hiện đòi hỏi cần được thỏa mãn. Thứ bậc nhu cầu của Maslow thể hiện như sau: nhu cầu sinh lý à nhu cầu an toàn à nhu cầu xã hội à nhu cầu được tôn trọng à nhu

cầu tự khẳng định.

Học thuyết ARG của Alderfer (1969) - *học thuyết tồn tại, quan hệ và phát triển* (Existence, Relatedness, Growth). Alderfer cho rằng, con người có 3 loại nhu cầu từ thấp đến cao (được rút ra từ 5 loại nhu cầu trong học thuyết của Maslow): Nhu cầu tồn tại là nhu cầu về các quan hệ và nhu cầu phát triển.

Học thuyết của Herzberg (1968) - *học thuyết hai yếu tố về động cơ làm việc của con người*. Herzberg cho rằng, động cơ làm việc của con người xuất phát từ chính công việc chứ không phải từ phần thưởng hay các điều kiện làm việc. Công việc có các yếu tố liên quan đến nhu cầu sinh học của con người gọi là các yếu tố sức khỏe. Công việc cũng có các yếu tố liên quan đến nhu cầu phát triển của con người (tính tích cực, sự thừa nhận, trách nhiệm, bản chất của chính công việc) gọi là các yếu tố động cơ. Herzberg đánh giá cao các yếu tố động cơ. Đây là cơ sở chính để tạo động lực làm việc cho các cá nhân.

Một số học thuyết khác về động cơ làm việc của con người có thể kể đến là: *Học thuyết về sự thúc đẩy* giải thích hành vi của con người như là kết quả của các phần thưởng mà người đó nhận được trước đó. *Học thuyết về sự mong đợi* (Vroom, 1964) cho rằng, con người sẽ có động lực làm việc khi họ tin rằng, hành vi của mình sẽ được khen thưởng hoặc kết quả việc làm của mình sẽ được thừa nhận.

Dựa vào các học thuyết nêu trên, nhiều tác giả ở Việt Nam đã xác định các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến động lực, trong đó một số tác giả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS, như: Dương Thị Kim Oanh (2013) đưa ra 2 nhóm động cơ HT chịu ảnh hưởng bởi 2 nhóm yếu tố: nhóm yếu tố xuất phát từ bản thân hoạt động học tập và nhóm yếu tố xuất phát từ mối quan hệ của người học với môi trường xung quanh [11, tr.140].

Phạm Hồng Quang và Lê Hồng Sơn (2011) trong Module 6: “Xây dựng môi trường học tập cho HS THPT” (*Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho GV THPT giai đoạn 2011 - 2018*) cũng phân tích ảnh hưởng của môi trường học tập (Bản thân hoạt động học tập, các mối quan hệ của HS với GV, bạn bè cùng lớp) đến việc hình thành động cơ HT của HS [12, tr.97-135].

Đình Phương Duy (2015) cho rằng, môi trường học tập thân thiện, trong đó quan hệ giữa người dạy với người học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với động cơ học tập của HS [13, tr.21].

Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), trên cơ sở tổng quan nghiên cứu của nhiều tác giả, đưa ra 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của người học (yếu tố thuộc về nhà trường, yếu tố thuộc về gia đình và yếu tố thuộc về cá nhân người học) [8, tr.108].

Đỗ Hữu Tài và cộng sự (2016) đưa ra 02 loại ĐLHT chịu ảnh hưởng bởi 02 nhóm yếu tố (nhóm yếu tố bên

ngoài như xã hội, môi trường, gia đình, bạn bè... và nhóm yếu tố bên trong như nhận thức của bản thân, ý chí, quan điểm sống...) [7, tr.2]. Từ các nghiên cứu trên, có thể xác định: ĐLHT của HS được hình thành và phát triển dưới tác động của nhiều yếu tố, chia thành 3 loại như sau:

- *Các yếu tố thuộc về cá nhân HS* (Nhu cầu, hứng thú, đặc điểm tính cách, năng lực của HS, hoàn cảnh gia đình HS,...);

- *Các yếu tố thuộc về hoạt động học tập* (Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, đánh giá kết quả học tập của HS trong quá trình học tập);

- *Các yếu tố thuộc về môi trường học tập* (Các mối quan hệ giữa GV với HS, giữa HS với HS; các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập như phòng học, cách sắp xếp lớp học, phương tiện học tập,...).

2.2.2. Năng lực tạo động lực học tập cho học sinh

* Khái niệm năng lực tạo ĐLHT cho HS

Theo *Từ điển Tâm lý học* do Vũ Dũng chủ biên (2008): “Người có năng lực là người đạt hiệu suất và chất lượng hoạt động cao trong các hoàn cảnh như nhau đối với mọi người (điều kiện hoạt động, vốn kiến thức ban đầu, kinh nghiệm...)” [9, tr.499]. Có thể khái quát, năng lực là khả năng của một cá nhân thực hiện một công việc một cách hiệu quả.

Như vậy, *năng lực tạo ĐLHT cho HS là khả năng của GV thực hiện một cách hiệu quả việc tạo ĐLHT cho HS*. Để rèn luyện năng lực này, GV phổ thông cần nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ĐLHT cho HS đặc biệt quan trọng trong bối cảnh của GD 4.0, các nguyên tắc và biện pháp cần tiến hành để tạo ĐLHT cho HS.

* Tầm quan trọng của tạo ĐLHT cho HS trong GD 4.0

Tầm quan trọng của tạo ĐLHT cho HS đã được nghiên cứu bởi một số tác giả trên thế giới và trong nước như sau: Theobald M.A. (2006) khẳng định, người học không thể buộc mình học tập nếu như bản thân không muốn học và không có ĐLHT; Tạo ĐLHT cho người học là một công việc khó khăn và thách thức vì “động lực là cái bên trong, nó được hình thành từ bản thân người học” [14, tr.1];

Slavin (2006) cho rằng, trách nhiệm của GV là phát hiện, động viên và duy trì ĐLHT của HS bằng cách khuyến khích HS tham gia các hoạt động thúc đẩy học tập [15, tr.324].

Tác giả Nguyễn Tùng Lâm (2015) cho rằng: “Có thể người học có nhu cầu, nhận thức được việc cần làm nhưng nó chưa đến mức “thôi thúc” thì người học chưa thể tập trung “năng lượng” cho nó....; Người học có nhu cầu muốn học tốt, nhưng không có đủ quyết tâm để vượt qua những khó khăn trong học tập”, “đó là lí do căn bản cần tạo cho HS ĐLHT, động lực đó phải đủ

mạnh, đủ sức lôi cuốn người học hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình” [16, tr.148].

Những phân tích ở phần trên của bài viết này về vai trò của ĐLHT của HS cũng cho thấy, để HS học tập đạt kết quả tốt, việc tạo ĐLHT cho HS là nhiệm vụ quan trọng của mỗi GV. Năng lực tạo ĐLHT cho HS là năng lực không thể thiếu trong hệ thống năng lực cần có ở mỗi GV.

Năng lực tạo ĐLHT cho HS càng cần thiết đối với GV trong bối cảnh của GD 4.0. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các đặc trưng “trí tuệ nhân tạo”, “vạn vật kết nối”, “dữ liệu lớn” tạo nên GD 4.0 với trường học thông minh, người dạy và người học có thể kết nối thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn bao giờ hết, các phương pháp và hình thức dạy học truyền thống được thay thế bằng các phương pháp và hình thức dạy học dựa trên công nghệ hiện đại. Cách mạng công nghiệp 4.0 làm cho hoạt động học tập của HS trở nên thuận lợi, tuy nhiên, nó cũng đem đến một số tác động tiêu cực đối với HS:

Thứ nhất, HS dễ bị xao nhãng với việc học tập do bị lôi kéo bởi những cám dỗ trên môi trường mạng, dành nhiều thời gian cho các mạng xã hội,...

Thứ hai, HS dễ chủ quan, lười suy nghĩ vì nguồn dữ liệu trên mạng internet là cực kì phong phú, chỉ cần vài phút truy cập là có thể tìm ra cách giải quyết nhiều vấn đề.

Thứ ba, HS có thể học tập trực tuyến, các bài giảng được chia sẻ qua mạng internet, thậm chí không cần lớp học, không cần người dạy; giảm đi cơ hội giao tiếp trực tiếp với GV và với bạn bè, không được trải nghiệm bầu không khí lớp học với niềm vui của sự thi đua, chia sẻ ý kiến, cổ vũ trực tiếp cho nhau...

Như vậy, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, vai trò tạo ĐLHT của GV đối với HS càng trở nên quan trọng. GV cần “đẫn đường để HS không lạc lối”, “Có thể một ngày kia robot sẽ dạy học cho con người lí trí và cảm xúc, sự hi sinh và tinh thần cống hiến, khả năng kết nối và truyền cảm hứng để làm nên những đổi thay quyết định đến số phận con người thì vĩnh viễn là sứ mệnh của các thầy cô giáo...” (Bộ GD&ĐT, Ban quản lí chương trình ETEP, 2018) [17].

* Nguyên tắc và biện pháp tạo ĐLHT cho HS

Như đã phân tích bên trên, ĐLHT của HS được hình thành và phát triển dưới ảnh hưởng của nhiều yếu tố (Cá nhân HS, hoạt động học tập, môi trường học tập). Vì thế, nguyên tắc để tạo ĐLHT cho HS là người GV cần thực hiện hệ thống các biện pháp nhằm tạo ra các yếu tố thuận lợi để hình thành và phát triển ĐLHT cho HS.

Với nguyên tắc định hướng này, có thể xác định các biện pháp tạo ĐLHT cho HS bao gồm 3 biện pháp cơ bản sau: 1/ Làm cho cá nhân HS có nhu cầu học tập; 2/

Làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn;
3/ Làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện. Như vậy, có thể nói, năng lực tạo ĐLHT cho HS chính là khả năng của GV thực hiện một cách hiệu quả ba biện pháp trên. Nói cách khác, năng lực của GV tạo ĐLHT cho HS bao gồm 3 năng lực thành phần, đó là: Năng lực tạo nhu cầu học tập cho HS; Năng lực tổ chức hoạt động học tập một cách lí thú và hấp dẫn; Năng lực xây dựng môi trường học tập thân thiện.

Làm cho HS có nhu cầu học tập: Động lực là cái thúc đẩy con người nỗ lực hoạt động để thỏa mãn nhu cầu. Như vậy, động lực được hình thành từ nhu cầu. Để HS có ĐLHT, trước hết, cần hình thành cho HS nhu cầu học tập. Nhu cầu học tập của một số HS có thể được hình thành khi GV đặt ra các yêu cầu về đánh giá và cho điểm kết quả học tập giữa kì, cuối kì. Tuy nhiên, một cách để hình thành nhu cầu học tập lâu dài và bền vững ở HS là: “GV cần chỉ ra cho HS thấy những lợi ích trong hiện tại và tương lai của việc học tập môn học mà GV đang giảng dạy” (Phạm Hồng Quang và Lê Hồng Sơn, 2011) [12, tr.105]. Nói cách khác, GV cần cho HS thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học đối với HS trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống hiện tại và tương lai của HS.

Làm cho hoạt động học tập trở nên lí thú và hấp dẫn: Trong quá trình học tập, nếu HS có hứng thú sẽ học tập chăm chỉ, say mê, quên mỏi mệt. Hứng thú là yếu tố quan trọng tạo nên ĐLHT của HS. Hứng thú học tập của HS, tương tự nhu cầu, có thể được hình thành trên cơ sở HS hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của điều mà HS được học. Mặt khác, cũng có thể được hình thành do tác động của chính hoạt động học tập, do hoạt động này được GV thực hiện một cách lí thú và hấp dẫn. Để việc học tập trở nên hấp dẫn HS, GV cần làm cho từng thành tố của hoạt động học tập trở nên hấp dẫn:

Về mục tiêu dạy học: GV đặt ra mục tiêu dạy học không phải là truyền đạt những kiến thức hàn lâm, xa rời thực tế mà là giúp HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Về nội dung dạy học: GV lựa chọn nội dung và các ví dụ minh họa trong bài học là các nội dung và ví dụ mà HS quan tâm, phù hợp tâm lí lứa tuổi, có lợi ích trực tiếp đối với HS.

Về phương pháp và hình thức dạy học: GV sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, tạo cơ hội cho HS tham gia và trải nghiệm, đặt HS vào thế chủ động tìm tòi và chiếm lĩnh kiến thức, hạn chế các phương pháp truyền đạt một chiều, gây nhàm chán đối với HS.

Về đánh giá kết quả học tập của HS: Không chỉ thực hiện đánh giá tổng kết mà còn thực hiện đánh giá quá

trình, có nghĩa là đánh giá trong suốt quá trình học tập của HS, kịp thời biểu dương, ghi nhận, động viên; đánh giá sự tiến bộ của HS so với chính bản thân HS, không so sánh với các HS khác.

Làm cho môi trường học tập trở nên thân thiện: Môi trường học tập thân thiện là môi trường học tập chứa đựng bầu không khí học tập thân thiện. Đây là điều kiện thuận lợi để tạo ĐLHT cho HS. Bầu không khí học tập được xây dựng bởi các mối quan hệ giữa GV với HS, giữa HS với HS. Người có vai trò then chốt trong việc xây dựng các mối quan hệ này là GV:

- Để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa GV với HS, GV cần rèn luyện phẩm chất và năng lực chuyên môn, kĩ năng giảng dạy để được HS tôn trọng, là tấm gương cho HS về văn hóa ứng xử. Mặt khác, trong quá trình giảng dạy, GV cần thể hiện sự tôn trọng đối với HS và khích lệ các nỗ lực học tập của HS.

- Để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa HS với HS, GV cần GD văn hóa ứng xử cho HS; yêu cầu HS thực hiện đúng các quy tắc ứng xử trong lớp học; rèn luyện cho HS thái độ tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; thi đua với nhau một cách lành mạnh và khích lệ lẫn nhau để cùng hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Bầu không khí học tập tích cực với các mối quan hệ tốt đẹp giữa HS với GV và với các bạn cùng lớp sẽ đảm bảo cho hoạt động học tập của HS được diễn ra thuận lợi, HS thích đến trường và có ĐLHT.

3. Kết luận

ĐLHT của HS là sự thúc đẩy bên trong, giúp HS nỗ lực học tập để đạt kết quả cao. ĐLHT của HS được hình thành và phát triển do ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thuộc về bản thân HS, cách GV tổ chức hoạt động học tập và môi trường học tập cho HS.

Vi vai trò quan trọng của ĐLHT đối với sự thành công của HS nên việc tạo ĐLHT cho HS là nhiệm vụ quan trọng là một năng lực không thể thiếu đối với GV phổ thông, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 khi HS có nhiều cơ hội để xao nhãng việc học, bị “lạc lối” trên các mạng xã hội và giữa các phương tiện công nghệ hiện đại.

Tạo ĐLHT cho HS tức là tạo các yếu tố thuận lợi để phát triển ĐLHT cho HS: để HS thấy rõ tầm quan trọng của những gì HS được học; tổ chức hoạt động học tập một cách hấp dẫn, tạo các mối quan hệ thân thiện và tích cực trong lớp học giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau. Những vấn đề trình bày trong bài viết góp phần làm phong phú thêm cho hệ thống lí luận về tạo ĐLHT cho HS và có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho GV để học tập và rèn luyện, đáp ứng yêu cầu của GD 4.0.

Tài liệu tham khảo

- [1] Schunk, D.H., (2000), *Coming to Terms with Motivation Constructs*, Contemporary Educational Psychology, 25, p.116-119.
- [2] Pintrich, P.R., (2003), *A Motivation Science Perspective on the Role of Student Motivation in Learning and Teaching Contexts*, Journal of Educational Psychology, 95(4), p.667-686.
- [3] Spratt M., Humphreys G., & Chan V., (2002), *Autonomous Language Learning: Hong Kong Tertiary Students' Attitudes and Behaviours*, Evaluation & Research in Education, 16(1), p.1-18.
- [4] Huitt W., (2011), *Motivation to learn: An Overview*, Educational Psychology Interactive, Valdosta, GA: Valdosta State University.
- [5] Phạm Minh Hạc (chủ biên), (2013), *Từ điển Bách khoa Tâm lý học, Giáo dục học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Đoàn Huy Oánh, (2004), *Tâm lý sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Đỗ Hữu Tài - Lâm Thanh Hiền - Nguyễn Thanh Lâm, (2016), *Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên - ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Lạc Hồng, số 5, tr.1-6.
- [8] Hoàng Thị Mỹ Nga - Nguyễn Tuấn Kiệt, (2016), *Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 46, tr.107-115.
- [9] Vũ Dũng (chủ biên), (2008), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Bách khoa, Hà Nội.
- [10] Vũ Dũng, (2009), *Giáo trình Tâm lý học Quản lý*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Dương Thị Kim Oanh, (2013), *Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 48, tr.138-148.
- [12] Phạm Hồng Quang - Lê Hồng Sơn, (2011), *Xây dựng môi trường học tập cho học sinh trung học phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học phổ thông, giai đoạn 2011-2018.
- [13] Đinh Phương Duy, (2015), *Hình thành động cơ học tập cho học sinh từ môi trường thân thiện*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia Động cơ học tập của người học và trách nhiệm của người dạy - Thực trạng và giải pháp, tr.334-339, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [14] Theobald, M.A., (2006), *Increasing student motivation: Strategies for middle and high school teachers*, Thousand Oaks, California: Corwin Press.
- [15] Slavin, R.E., (2006), *Educational psychology theory and practice*, (8th edition), Boston: Pearson Education, Inc.
- [16] Nguyễn Tùng Lâm, (2015), *Tìm giải pháp tạo động lực học tập với học sinh yếu kém phổ thông*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia Động cơ học tập của người học và trách nhiệm của người dạy - Thực trạng và giải pháp, tr.147-157, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [17] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý chương trình ETEP, (25/3/2018), *Người giáo viên chủ nhiệm trong kỉ nguyên 4.0*, Truy cập từ etep.moet.gov.vn ngày 23 tháng 3 năm 2019.

DEVELOPING STUDENT LEARNING MOTIVATION - AN ESSENTIAL COMPETENCE OF SCHOOL TEACHERS TO MEET THE CHALLENGES OF EDUCATION 4.0

Nguyen Thi Thuy Dung

University of Social Sciences and Humanities -
Vietnam National University Ho Chi Minh City
10-12 Dinh Tien Hoang, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: thuydung139@gmail.com

ABSTRACT: *In the context of the industrial revolution 4.0 with the great progress in technology and science, the rapid changes in economy, culture, and society lead to both positive and negative impacts on the students, making it even more important to develop learning motivation for students. Based on the results of theoretical research methods such as analysis and synthesis, systematization and generalization of some theories on human needs and motivation in general, and on students' learning motivation in particular conducted by different authors in the world as well as in Vietnam, the article investigates the concept and the necessity of developing students' learning motivation. It also analyzes the ability of teachers in motivating students to learn as one of essential teacher competencies to meet the requirements of Education 4.0. The theoretical basis explained in this paper could be used as a reference for teachers in their learning and practice, as well as for pedagogical colleges and schools in their professional development activities for teachers to meet the requirements of the new educational situation.*

KEYWORDS: Learning motivation; developing learning motivation; students; school teachers.